

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

LIÊN KẾT LOGIC TRONG VĂN BẢN HỢP ĐỒNG KINH TẾ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

LOGICAL COHERENCE IN ENGLISH AND VIETNAMESE BUSINESS CONTRACTS

NGUYỄN HƯƠNG GIANG

(NCS, Khoa Ngôn ngữ, ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN)

Abstract

Since having become a member of WTO, Vietnam has many opportunities to develop its economy and other areas as well. Foreign companies, businesses and investors have paid more and more attention to Vietnamese market. This means that many business contracts have been composed and signed. However, how to get a clear, accurate and logical business contracts is still the matter that a lot of businesses, teachers and students have been concerned about. The paper determines the similarities and differences of logical coherence in English and Vietnamese business contracts in order to give a better understanding of these two discourses and to help people create more effective business contracts.

1. Mở đầu

Hiện nay ở nước ta có rất nhiều hợp đồng kinh tế được soạn thảo và kí kết. Tuy nhiên, làm thế nào để có được một hợp đồng kinh tế rõ ràng, chính xác và logic lại là điều mà rất nhiều doanh nghiệp, giáo viên và học viên băn khoăn. Họ thường thấy khó khi soạn một hợp đồng kinh tế bằng tiếng Anh hay dịch một hợp đồng kinh tế từ tiếng Anh sang tiếng Việt cho chuẩn và ngược lại. Nguyên nhân này có thể do họ chưa hiểu rõ những điểm giống và khác nhau về diễn ngôn trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt. Chính vì vậy, chúng tôi muốn khảo sát những điểm giống và khác nhau về việc liên kết logic (logical cohesion) trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt với hi vọng sẽ mang đến cho những người quan tâm một cách hiểu đầy đủ hơn về văn bản này ở hai ngôn ngữ và qua đó sẽ giúp họ có được những hợp đồng kinh tế dễ dàng hơn, hiệu quả hơn.

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Liên kết logic (logical cohesion) trong văn bản

Theo Halliday và Hasan (1976:4), “Khái niệm liên kết (cohesion) là một khái niệm về ngữ nghĩa (semantic) vì nó hướng đến mối quan hệ về mặt ý nghĩa (meaning) trong văn bản (text)”. Trong Longman Dictionary of Language teaching and Applied linguistics, Richards, J. et al (1985:62) định nghĩa “Liên kết là mối quan hệ về ngữ pháp và từ vựng giữa các thành phần của một văn bản. Đó có thể là mối quan hệ giữa các câu hoặc các thành phần câu”. Từ định nghĩa này có thể thấy rằng liên kết được thể hiện thông qua ngữ pháp và thông qua từ ngữ. Liên kết ngữ pháp (grammatical cohesion) được coi là các hình thức liên kết về ngữ nghĩa trong khi liên kết từ vựng (lexical cohesion) được xem là sự liên kết nhờ sự xuất hiện của các từ liên kết (related vocabulary items) ở các mệnh đề

(clause) và câu (sentence) trong các diễn ngôn (discourse).

Theo Nguyễn Hòa (2000:23), liên kết trong văn bản được thể hiện dưới ba hình thức: liên kết ngữ pháp, liên kết từ vựng và liên kết logic. Trong đó, liên kết logic là mối quan hệ về mặt logic thông qua các biện pháp liên kết logic (logical cohesive devices) sau:

Các biện pháp liên kết lô gíc	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Thêm ý (addition)	Moreover; furthermore; and; also; ...	Ngoài ra; hơn nữa; và; và lại; ...
Nguyên nhân/ kết quả (Reason/ result)	As; since; because; due to; ... As a result; so; therefore; ...	Vi; bởi vì; do; ... Vì vậy; vì thế; cho nên; ...
Kết luận (summation)	In conclusion; in brief; in short; ...	Tóm lại; nói tóm lại; ...
Mục đích (purpose)	So that; in order that; to; in order to; ...	Để; để mà; cho; ...
Minh họa (example)	For example; for instance; namely; ...	Ví dụ; thí dụ; chẳng hạn; như là; ...
Liệt kê (enumeration)	First(ly); second(ly); then; after that; ...	Trước tiên, sau đây; trên đây là; ...
Đối lập (contrast)	However; whereas; on the other hand; in contrast; ...	Tuy; ngược lại; trái lại; song; ...
So sánh (comparison)	Similarly; compared with; in the same way; ...	Tương tự; so với; giống như; ...
Diễn giải (formulation)	In other words; alternatively; or; ...	Nói cách khác; hoặc; ...
Chuyển ý (transition)	By the way; incidentally; come to mention it; ...	Nhân tiện; tiện thể; ...
Điều kiện (condition)	X	Nếu; dù; mặc dù; cho dù; ...
Thời gian (time location)	X	Rồi; sau đó; đồng thời; ...
Địa điểm (place)	X	Tại; tại đây; trong đó; ...
Suy luận (inference)	This means that; in that case it follows that; otherwise; ...	X

Bảng liệt kê các biện pháp liên kết logic trong tiếng Anh và tiếng Việt

1.2. Hợp đồng kinh tế

Carvan et al (1995) định nghĩa: “Hợp đồng là một thỏa thuận về nghĩa vụ và quyền hạn pháp lí được thiết lập giữa hai hoặc nhiều bên (parties)”. Jerry m. Rosenberg (1992: 82) cho rằng: “Hợp đồng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều người (persons) được pháp luật công nhận, trong đó một hoặc nhiều người phải thực hiện các yêu cầu của người kia theo như thỏa thuận”. Tóm lại, hợp đồng là một sự thỏa thuận về việc sẽ thực hiện hay không thực hiện một điều gì đó. Một hợp đồng có tính logic có nghĩa là nó có sự ràng buộc về mặt pháp lí và có hiệu lực. Mỗi điểm thỏa thuận trong hợp đồng đều phải rõ ràng, có chủ thể đi kèm để tránh những tranh chấp và kiện tụng có thể xảy ra.

Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh có hai loại hợp đồng: hợp đồng kinh tế và hợp đồng dân sự. Vì khảo sát này tập trung vào phân tích sự liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế nên chỉ giải thích khái niệm hợp đồng kinh tế là gì.

Hợp đồng kinh tế là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên về việc thực hiện công việc sản xuất, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật và các thỏa thuận khác nhằm mục đích kinh doanh. Hợp đồng kinh tế được kí giữa pháp nhân với pháp nhân, hoặc giữa pháp nhân với cá nhân có đăng kí kinh doanh.

2. Liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt

2.1. Liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh

Theo Quirk (1980: 132), có hai cách liên kết logic. Đó là dựa vào trật tự câu từ (linear ordering) và sử dụng liên từ (conjunction). Trong đó, liên kết logic dựa trên trật tự câu từ được coi là biện pháp logic phụ thuộc chủ yếu vào nội dung của văn bản. Sự sắp xếp trật tự

các câu trong văn bản làm cho văn bản logic và mạch lạc nên nếu thay đổi trật tự này văn bản sẽ mất đi sự logic và mạch lạc đó.

Ví dụ: “*Contract shall be effective after the approval of the competent authority which is VAC. The Client shall send a written notification to the Contractor in 10 days after approval. The Contractor shall commence the work under the contract immediately upon receipt of such notification by the Client.*” (“Hợp đồng có hiệu lực sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền là VAC. Khách hàng phải gửi thông báo bằng văn bản cho nhà thầu trong 10 ngày sau khi phê duyệt. Nhà thầu sẽ bắt đầu công việc theo hợp đồng ngay khi nhận được thông báo của khách hàng”). Nếu thay đổi trật tự câu của văn bản này như sau: “*The Contractor shall commence the work under the contract immediately upon receipt of such notification by the Client. Contract shall be effective after the approval of the competent authority which is VAC. The Client shall send a written notification to the Contractor in 10 days after approval.*”, thì văn bản này không logic nữa.

Chính vì vậy mà Đỗ Hữu Châu (1996) cũng thừa nhận rằng liên kết logic dựa trên trật tự câu từ là biện pháp liên kết logic được sử dụng phổ biến nhất trong các văn bản.

Bên cạnh liên kết logic dựa trên trật tự câu, liên kết logic sử dụng liên từ cũng được sử dụng khá phổ biến trong các hợp đồng kinh tế tiếng Anh. Ví dụ: “*The Contractor’s personnel are obliged to refrain from any action, for instance: theft, incitement to theft, unauthorized disclosure of information which could endanger or harm the confidential nature of the Client’s business. Therefore, should a member of staff fail to respect this clause, the Client has the right to demand the immediate replacement of this personnel acceptable by the Client. In that case, all the costs associated with such replacement, shall be met by the Contractor.*” (Các nhân viên của Nhà thầu không được phép có bất cứ một hành động nào như là: trộm cắp, kích động hành vi trộm cắp, không được phép tiết lộ thông tin có thể gây nguy hiểm hoặc gây hại

cho tính chất bí mật kinh doanh của khách hàng. Vì vậy, nếu một nhân viên nào không tôn trọng điều khoản này, khách hàng có quyền yêu cầu thay thế ngay nhân viên đó. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải chịu tất cả các chi phí liên quan việc thay thế).

Theo kết quả nghiên cứu thì nhóm liên từ được sử dụng nhiều nhất trong các hợp đồng kinh tế tiếng Anh là các nhóm liên từ sau: thêm vào (addition), đối lập (contrast), minh họa (example), suy luận (inference), diễn giải (formulation).

2.2. Liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt

Giống như văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh, văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt cũng dựa vào trật tự câu từ để liên kết logic. Thí dụ trong đoạn văn bản hợp đồng kinh tế sau:

Điều 2: Trách nhiệm của bên B

2.1. Tiến hành xây dựng chương trình Kế toán Vận tải và điều hành hoạt động kinh doanh cho Hải Vân theo các yêu cầu được đề ra trong phụ lục 01 của hợp đồng này. Các công việc được tiến hành theo kế hoạch đề ra trong phụ lục số 02.

....

2.6. Chuyển giao công nghệ, bàn giao các tài liệu và biên bản nghiệm thu hệ thống sau khi các công việc đã được thực hiện, các kết quả đã được chuyển giao. Danh sách các tài liệu cơ bản của dự án mà bên B phải bàn giao cho bên A bao gồm: hồ sơ khảo sát, hồ sơ phân tích thiết kế, bộ đĩa chương trình cài đặt, bộ đĩa chương trình nguồn.

Các nghiên cứu cũng cho thấy các nhóm liên từ sau đây được sử dụng khá phổ biến trong các hợp đồng kinh tế tiếng Việt: điều kiện (condition), thêm vào (addition), liệt kê (enumeration), đối lập (contrast), mục đích (purpose). Thí dụ:

Điều 4: Thời gian và tiến độ thực hiện

Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, do điều kiện nào đó của một bên mà các mốc thời gian có thể thay đổi thì bên đó phải có đề nghị chính thức với bên kia, bên nhận được đề nghị sẽ tiến hành phân tích ảnh hưởng của thay đổi với toàn bộ tiến trình của hợp đồng. Sau đó hai bên

thống nhất về các vấn đề bị thay đổi, các chi phí phát sinh do nguyên nhân từ bên nào thì bên đó chịu trách nhiệm thanh toán. Trường hợp bên B cố tình trì hoãn việc hoàn thành hợp đồng đúng thời hạn theo quy định tại điểm 4.1 của hợp đồng này, bên B sẽ chịu phạt vì phạm thời hạn thực hiện hợp đồng với giá trị 5% giá trị hợp đồng theo tuần kể từ tuần bắt đầu. (Trích hợp đồng kinh tế số 0605 HAIVAN/CTYB)

3. Sự giống nhau và khác nhau về liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt

3.1. Sự giống nhau

Trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt, liên kết logic dựa trên trật tự câu từ được sử dụng nhiều nhất: 31,5% trong văn bản tiếng Anh và 36,8% trong văn bản tiếng Việt. Điều này chứng tỏ trật tự câu từ luôn là một biện pháp liên kết hiệu quả tạo ra sự logic và mạch lạc trong các văn bản tiếng Anh và tiếng Việt.

Theo kết quả nghiên cứu thì liên kết logic sử dụng liên từ thêm ý, mà đặc biệt là việc sử dụng liên từ và chiếm 12,4% trong văn bản hợp đồng tiếng Việt và 12,3% trong văn bản hợp đồng tiếng Anh. Thí dụ:

Tiếng Anh: Buyer shall advice vessel's ETA and its particulars 15 days and Captain shall inform vessel's ETA.

Tiếng Việt: Vận đơn sẽ được cấp ngay sau khi hoàn thành việc giao hàng và trước khi xông khói và được giao ngay cho người mua để mua bảo hiểm.

Liên từ chỉ sự đối lập cũng được sử dụng khá phổ biến ở cả hợp đồng tiếng Anh (10,6%) và tiếng Việt (7,8%) thông qua các liên từ tiếng Anh như “however”, “in contrast”, “instead” và một số liên từ tiếng Việt như “tuy nhiên”, “ngược lại”, “trái lại”. Ví dụ:

Tiếng Anh: Claims of the contractor against the clients may be ceded. However, claims of the clients against the contractor may not be set off against invoices for services unless those claims have been accepted by the contractor or firmed by judicial ruling.

Tiếng Việt: Bên B chịu trách nhiệm lập dự thảo phương thức bảo hành như quy trình, mẫu mã, người yêu cầu, người nhận, ngày bắt đầu bảo hành. Tuy nhiên, bên A phải có trách nhiệm thông qua phương thức bảo hành do bên B dự thảo trong vòng mười ngày kể từ khi có đề xuất.

Điều này có thể khẳng định rằng các biện pháp liên kết logic đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự mạch lạc trong các văn bản hợp đồng.

Một điểm khá thú vị là kết quả phân tích mười hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt cho thấy tỉ lệ sử dụng liên từ chỉ mục đích là giống nhau (5,3%) ở hai văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt.

3.2. Sự khác nhau

Bên cạnh những điểm tương đồng trong liên kết logic của văn bản hợp đồng kinh tế ở hai ngôn ngữ kể trên, kết quả nghiên cứu cho thấy liên kết logic trong hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt có những sự khác biệt sau:

Liên từ liệt kê chiếm 3,2% trong hợp đồng kinh tế tiếng Anh (first, next, finally,...), chiếm 11,2% trong hợp đồng kinh tế tiếng Việt (sau đây, dưới đây,...).

Liên từ chỉ nguyên nhân – kết quả được sử dụng đến 6% trong hợp đồng kinh tế tiếng Anh, gấp khoảng chín lần so với biện pháp này được sử dụng trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt (0,7%). Những cụm từ chỉ nguyên nhân – kết quả như *vi vậy, do đó, cho nên, ...* rất ít xuất hiện trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt vì những cụm từ này thường được dùng trong văn nói hơn là trong văn bản hợp đồng. Thay vào đó, văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt lại sử dụng cấu trúc câu điều kiện: Nếu A thì B (chiếm 12%), ví dụ:

Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, do điều kiện nào đó của một bên mà các điểm mốc thời gian có thể thay đổi thì bên đó phải có đề nghị chính thức bằng văn bản với bên kia ...

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy trong khi các biện pháp liên kết logic theo thời gian (sau đây, dưới đây) và vị trí (tại) xuất hiện ở hầu hết các văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt thì lại không xuất hiện văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh, thí dụ:

Hôm nay ngày 17/1/2000 tại Công ti sản xuất và kinh doanh vật tư, chúng tôi gồm: ...

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận hai bên đã cùng nhất trí kí kết hợp đồng với các điều khoản dưới đây:

Những điểm khác biệt đáng chú ý là trong khi các liên từ chỉ điều kiện, thời gian, địa điểm không xuất hiện trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh thì các liên từ chỉ kết luận, so sánh, diễn giải, chuyển ý, suy luận lại không xuất hiện ở trong các văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt.

4. Kết luận

Liên kết logic đóng góp rất lớn vào việc tạo nên mạch lạc trong các văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt. Bảng khảo sát tỉ lệ xuất hiện của các biện pháp liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt dưới đây sẽ cho thấy rõ những điểm tương đồng và dị biệt về liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế ở hai ngôn ngữ này:

Các biện pháp liên kết lô gic	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Trật tự câu từ (linearization)	31.5%	36.8%
Thêm ý (addition)	12.3%	12.4%
Nguyên nhân/ kết quả (Reason/ result)	6%	0.7%
Kết luận (summation)	1.5%	x
Mục đích (purpose)	5.3%	5.3%
Liệt kê (enumeration)	3.2%	10.2%
Đôi lập (contrast)	10.6	7.8%
So sánh (comparison)	2.1%	x
Diễn giải (formulation)	8.7%	x
Chuyển ý (transition)	0.8%	x
Điều kiện (condition)	x	12%
Thời gian (time)	x	4.5%

location)		
Địa điểm (place)	x	4.5%
Suy luận (inference)	9.3%	x

Bảng khảo sát tỉ lệ xuất hiện của các biện pháp liên kết logic trong văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt (X là không xuất hiện).

Chúng tôi hi vọng khảo sát này sẽ góp phần vào việc nghiên cứu, giảng dạy, soạn thảo và dịch các văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Anh và văn bản hợp đồng kinh tế tiếng Việt hiệu quả hơn trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Judith Dawyer (2000), *The Business communication handbook*. Prentice Hall.
- Beaugrande, Robert de and Wolfgang U. Dressler (1981), *Introduction to text linguistics*. Harlow: Longman.
- Brown, Gillian and George Yule (1983), *Discourse analysis*, Cambridge: Cambridge University Press.
- Givón, Talmy (1995), *Coherence in the text and coherence in the mind*, in *Coherence in Spontaneous Text*, edited by Morton Ann Gernsbacher and Talmy Givón, Amsterdam: John Benjamins.
- Halliday, Michael A. K. Ruqaiya Hasan (1976), *Cohesion in English*. London: Longman.
- Nguyễn Hòa (2000), *An Introduction to discourse analysis*, HNU – CFL,
- Van Dijk, Teun A. and Walter Kintsch (1983), *Strategies of discourse comprehension*, New York: Academic Press.
- Giáo trình “Biên dịch hợp đồng kinh tế”, Khoa Tiếng Anh chuyên ngành, ĐH Ngoại thương.
- Diệp Quang Ban (2003), *Giao tiếp văn bản: Mạch lạc liên kết đoạn văn*, Nxb Khoa Học Xã Hội.
- Nguyễn Hòa (1999), *Nghiên cứu diễn ngôn chính trị xã hội*, Luận án tiến sĩ ngữ văn.
- Nguyễn Thị Hồng Thúy (2004), *Trật tự câu trong vai trò liên kết và tạo mạch lạc cho văn bản*, Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-11-2012)